



LÝ LỊCH GỖ XẺ

(.....)
Ngày 01 tháng 6 năm 2019 tại

STT	Tên gỗ	Nhóm	Số hiệu	Dài	Rộng	Dày	Số lượng	khối lượng	Ghi chú
1	Nghiên	IIA	V1	1,8	0,2	0,08	1	0,028	
2	Nghiên	IIA	V2	2	0,2	0,08	1	0,032	
3	Nghiên	IIA	V3	1,8	0,2	0,08	1	0,028	
4	Nghiên	IIA	V4	2,07	0,2	0,08	1	0,033	
5	Nghiên	IIA	V5	2,03	0,21	0,06	1	0,025	
6	Nghiên	IIA	V6	1,97	0,21	0,08	1	0,033	
7	Nghiên	IIA	V7	2,02	0,2	0,07	1	0,028	
8	Nghiên	IIA	V8	2,02	0,2	0,07	1	0,028	
9	Nghiên	IIA	V9	2	0,2	0,07	1	0,028	
10	Nghiên	IIA	V10	2,01	0,25	0,06	1	0,03	
11	Nghiên	IIA	V11	2	0,21	0,07	1	0,029	
12	Nghiên	IIA	V12	2,01	0,22	0,06	1	0,026	
13	Nghiên	IIA	V13	2,04	0,18	0,08	1	0,029	
14	Nghiên	IIA	V14	2,03	0,2	0,07	1	0,028	
15	Nghiên	IIA	V15	2,04	0,15	0,09	1	0,027	
16	Nghiên	IIA	V16	1,8	0,21	0,08	1	0,03	
17	Nghiên	IIA	V17	1,8	0,2	0,07	1	0,025	
18	Nghiên	IIA	V18	2,02	0,19	0,07	1	0,026	
19	Nghiên	IIA	V19	2,03	0,2	0,08	1	0,032	
20	Nghiên	IIA	V20	2,06	0,21	0,08	1	0,034	
21	Nghiên	IIA	V21	2	0,2	0,06	1	0,024	
22	Nghiên	IIA	V22	1,76	0,2	0,08	1	0,028	
23	Nghiên	IIA	V23	2,03	0,2	0,08	1	0,032	
24	Nghiên	IIA	V24	2,03	0,2	0,08	1	0,032	
25	Nghiên	IIA	V25	1,25	0,23	0,08	1	0,023	
26	Nghiên	IIA	V26	2,01	0,2	0,08	1	0,032	
27	Nghiên	IIA	V27	2,04	0,18	0,08	1	0,029	
28	Nghiên	IIA	V28	1	0,25	0,25	1	0,062	
29	Nghiên	IIA	V29	1,03	0,25	0,25	1	0,064	
Tổng								0,905	

Tổng cộng: 0,905m3 (bằng chữ: Không phải chín trăm linh năm mét khối.)

- Khối lượng.....m³. (bằng chữ.....)

Cán bộ phối hợp

Trần Kiên Sơn Vũ Mườn

[Signature]

Hoàng Văn Thụy

Cán bộ lập lý lịch

[Signature]
Vũ Văn Hiền